TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 65/2023/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 06 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, về việc "Ly hôn" giữa: Nguyên đơn: Anh Phạm Văn S1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn V, huyện B, tỉnh H và Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 2, thôn V, xã L, huyện V, tỉnh H.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn S1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn V, huyện B, tỉnh H và Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 2, thôn V, xã L, huyện V, tỉnh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn S1 và Chị Nguyễn Thị S thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh Phạm Văn S1 và Chị Nguyễn Thị S không có con chung.
- Về tài sản chung và công nợ: Anh Phạm Văn S1 và Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Văn S1 và Chị Nguyễn Thị S thỏa thuận nhất trí để Anh Phạm Văn S1 chịu 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai số 0002578 nộp ngày 17/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H.

Trả lại cho Anh Phạm Văn S1 150.000đ tiền chênh lệch tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- UBND TT V, huyện B, tỉnh H;
- TAND tỉnh H;
- Chi cục THADS huyện V;
- Hồ sơ vụ án, vp.

THẨM PHÁN

Cù Văn Minh